

TRƯỜNG THPT BÌNH CHÁNH
TỔ HÓA_KHỐI 12

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2023-2024
MÔN: HÓA HỌC 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 50 phút

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			% tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian (phút)	
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	Chương 1: Este – Lipit	Este	3	2,25	2	2,5	2	3,5			7		8,25	17,5%
2		Lipit	1	0,75	1	1,25	1	1,75	1	2,25	4		6	10%
3	Chương 2: Cacbohidrat	Glucozo	2	1,5	1	1,25					3		2,75	7,5%
4		Saccarozo tinh bột xenlulozo	2	1,5	2	2,5	2	3,5			6		7,5	15%
5	Chương 3: Amin, aminoaxit và Peptit Protein	Amin	3	2,25	2	2,5	1	1,75			6		6,5	15%
6		Amino axit	3	2,25	1	1,25	2	3,5			6		7	15%
		Peptit Protein	2	1,5	3	3,75					5		5,25	12,5%
7	Tổng hợp kiến thức	Câu đếm tổng hợp Thực hành thí nghiệm							2 1	4,5 2,25	3		6,75	7,5%
Tổng			16	12	12	15	8	14	4	9	40		50	100%
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%					

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2023-2024
MÔN: HÓA HỌC 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 50 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chương 1: Este – Lipit	1. Este	Nhận biết: – Khái niệm, đặc điểm cấu tạo phân tử, danh pháp (gốc - chức) của este. – Tính chất hoá học: Phản ứng thủy phân (môi trường axit) và phản ứng với dung dịch kiềm (phản ứng xà phòng hoá). – Phương pháp điều chế bằng phản ứng este hoá. – Mùi một số este thông dụng . – Ứng dụng của một số este tiêu biểu. Thông hiểu: - Dựa vào sản phẩm của phản ứng thủy phân este tìm CTPT, CTCT của este. - Este rất ít tan trong nước và có nhiệt độ sôi thấp hơn axit ,ancol cùng số C. - Cho phần trăm nguyên tố tìm công thức phân tử este. - Cho công thức phân tử của este tính phần trăm khối lượng nguyên tố. Vận dụng: - Tính khối lượng các chất trong phản ứng thủy phân khi biết công thức phân tử, công thức cấu tạo của este. - Xác định CTCT, tên gọi este khi biết CTCT, tên gọi sản phẩm phản ứng thủy phân và ngược lại. – Xác định CTPT dựa vào phản ứng oxi hóa hoàn toàn este. – Dạng toán hiệu suất của phản ứng este hóa – Xác định CTPT, tính khối lượng các	3	2	2	

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			chất trong phản ứng thủy phân este khi biết phần trăm nguyên tố .				
		2. Lipit	Nhận biết: – Khái niệm và phân loại lipit. – Khái niệm chất béo, biết công thức cấu tạo chất béo. Gọi tên chất béo cơ bản. - Tính chất vật lí (trạng thái, tính tan). - Tính chất hoá học (tính chất chung của este và phản ứng hiđro hoá chất béo lỏng). - Ứng dụng của chất béo. - Cách chuyển hoá chất béo lỏng thành chất béo rắn. Thông hiểu: - So sánh đặc điểm phản ứng thủy phân chất béo trong môi trường axit và bazơ. - Dựa vào tính chất hóa học xác định chất béo hoặc sản phẩm phản ứng thủy phân chất béo ở mức độ đơn giản. – Phân biệt được dầu ăn và mỡ bôi trơn về thành phần hoá học. Vận dụng: - Tính lượng chất trong phản ứng xà phòng hóa chất béo. Vận dụng cao – Dựa vào phản ứng đốt cháy, phản ứng xà phòng hóa và phản ứng với dung dịch Br₂.	1	1	1	1
2	Chương 2: Cacbohidrat		Nhận biết: - Khái niệm, phân loại cacbohidrat. - Công thức cấu tạo dạng mạch hở, tính chất vật lí (trạng thái, độ tan), ứng dụng của glucozơ.	2	1		

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		3. Glucozơ	Thông hiểu: - Tính chất hóa học của glucozơ: + Tính chất của ancol đa chức, anđehit đơn chức + Phản ứng lên men rượu. - Tính khối lượng các chất trong phản ứng lên men rượu, phản ứng tráng bạc, phản ứng cháy của glucozơ (kèm theo hoặc không kèm theo hiệu suất)				
		4. Saccarozơ, tinh bột và xenlulozơ	Nhận biết: - CTPT, đặc điểm cấu tạo. - Tính chất vật lí (trạng thái, độ tan) của saccarozơ, tinh bột, xenlulozơ) - Tính chất hóa học của saccarozơ, tinh bột, xenlulozơ (thủy phân trong môi trường axit). - Tính chất riêng (phản ứng của hồ tinh bột với iot, phản ứng của xenlulozơ với axit HNO ₃) - Ứng dụng của saccarozơ, tinh bột, xenlulozơ. Thông hiểu: - Tính số lượng mắt xích của một đoạn mạch trong tinh bột hoặc xenlulozơ. - Dựa vào đặc điểm cấu tạo, phản ứng hóa học đặc trưng nhận biết các chất. Vận dụng. - Tính lượng xenlulozơ hoặc sản phẩm thu được khi cho xenlulozơ phản ứng với axit nitric (có kèm hoặc không kèm hiệu suất) - Tính khối lượng glucozơ thu được khi thủy phân saccarozơ, tinh bột và	2	2	2	

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			xenlulozo				
3	Chương 3: Amin – aminoaxit và Protein	5. Amin	Nhận biết: - Khái niệm, phân loại, cách gọi tên (theo danh pháp thay thế và gốc - chức). - Đặc điểm cấu tạo phân tử, bậc amin. - Tính chất vật lí (trạng thái, màu, mùi, độ tan) của amin. Thông hiểu: - Tính chất hóa học điển hình của amin là tính bazơ, anilin có phản ứng thế với brom trong nước. Nêu được hiện tượng của thí nghiệm. - Từ CTCT xác định tên amin (gốc chức / thay thế) và ngược lại. - Dựa vào phản ứng cháy của amin cụ thể tính lượng chất (CO_2, H_2O, N_2) hoặc ngược lại. - So sánh tính bazơ của amin - Nhận biết amin béo, anilin Vận dụng: - Xác định CTPT, CTCT, khối lượng amin theo số liệu đã cho. - Tính khối lượng amin hoặc sản phẩm trong phản ứng với axit hoặc với brom.	3	2	1	
			Nhận biết: - Định nghĩa, đặc điểm cấu tạo phân tử, ứng dụng quan trọng của amino axit và hợp chất. - Biết công thức cấu tạo và tên thông thường của một số amino axit thiên nhiên. - Tính chất vật lí của các amino axit. - Tính chất hóa học của amino axit (tính lưỡng tính; phản ứng este hoá; phản ứng				

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		6. Amino axit	trùng ngưng của ϵ và ω - amino axit). Thông hiểu: - Tính lưỡng tính của amino axit - Phân biệt dung dịch amino axit với dung dịch chất hữu cơ khác bằng phương pháp hoá học. Vận dụng: - Tính khối lượng các chất trong phản ứng của amino axit với axit, bazơ - Xác định CTCT, tính lượng chất trong phản ứng amino axit với axit hoặc với bazơ qua nhiều giai đoạn .	3	1	2	
		7. Peptit-Protein	Nhận biết: - Định nghĩa, đặc điểm cấu tạo , phân loại peptit, protein. - Xác định tên một đoạn mạch peptit được cấu tạo từ các amino axit thông dụng . - Tính chất vật lý của protein (tính tan , sự đông tụ) Thông hiểu: - Phân biệt được dipeptit , tripeptit... - Xác định số đồng phân của peptit. - Xác định đoạn mạch peptit dựa vào đặc điểm phản ứng thủy phân hoàn toàn , không hoàn toàn . - Xác định được amino axit đầu N và amino axit đầu C trong một đoạn peptit .	2	3		
4	Tổng hợp kiến thức hữu cơ	8. - Este, chất béo, cacbohidrat, amin, amino axit	Vận dụng cao - Tính chất vật lý của các este, chất béo, cacbohidrat, amin, amino axit - Tính chất hóa học đặc trưng của các este, chất béo, cacbohidrat, amin, amino axit.				3

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		- Thực hành tính chất, điều chế este, chất béo, amin	– Sử dụng dụng cụ hoá chất để tiến hành an toàn, thành công các thí nghiệm. – Quan sát thí nghiệm, nêu hiện tượng, giải thích và viết các phương trình hoá học. Rút ra nhận xét : + Điều chế etyl axetat; + Phản ứng xà phòng hoá chất béo. + Phản ứng của glucozơ với $\text{Cu}(\text{OH})_2$; + Phản ứng của hồ tinh bột với iot. + Phản ứng của anilin với dung dịch Brom.				
Tổng				16	12	8	4